

# KHÁI LƯỢC NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA MALAYSIA

## 1. Tổng quan về hệ thống giáo dục quốc dân của Malaysia

Hệ thống giáo dục quốc dân Malaysia cũng giống như hệ thống giáo dục của một số nước và có điểm khác biệt so với hệ thống giáo dục Việt Nam là hệ thống giáo dục quốc gia gồm có 4 cấp từ giáo dục mầm non, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông và giáo dục sau Trung học, trong khi đó giáo dục của Việt Nam gồm có giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông và giáo dục sau trung học phổ thông<sup>1</sup>. Giáo dục Mầm non dành cho trẻ từ 4 - 6 tuổi. Việc tham gia học chương trình giáo dục Mầm non không phổ biến ở Malaysia và nhìn chung chỉ những gia đình giàu có mới đủ khả năng cho con học trường mầm non tư thục. Chính phủ Malaysia không có chương trình giáo dục Mầm non chính quy, ngoại trừ có một khoá bồi dưỡng chính thức để cấp chứng chỉ cho hiệu trưởng và giáo viên trước khi họ thành lập và quản lí trường mầm non. Có các chương trình giáo dục Mầm non ở Malaysia khác do các nhóm tôn giáo quản lí. Khoá bồi dưỡng này bao gồm các bài giảng về tâm lí trẻ em, phương pháp giảng dạy và các nội dung khác như chăm sóc và phát triển trẻ. Những trường mầm non đã đăng kí phải tuân thủ các điều kiện quy vùng và phải tuân thủ các quy định về việc khám sức khoẻ và đánh giá nguy cơ hoả hoạn vì nhiều trường mầm non nằm trong các khu dân cư đông đúc.

Trẻ em ở Malaysia bắt đầu chương trình giáo dục tiểu học từ 7 tuổi, thời gian dành cho giáo dục Tiểu học là 6 năm nhưng có thể hoàn thành trong khoảng thời gian từ 5 đến 7 năm và được chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 được gọi là giáo dục Tiểu học bậc 1 (Primary school level 1) - dành cho trẻ từ 7 đến 9 tuổi - là 3 năm từ năm thứ 1 (year 1) đến năm thứ 3 (year 3), giai đoạn 2 được gọi là giáo dục Tiểu học bậc 2 (Primary school level 2) - dành cho trẻ từ 10 tuổi đến 12 tuổi - là 3 năm từ năm thứ 4 (year 4) đến năm thứ 6 (year 6). 6 năm học tương đương với

---

<sup>1</sup> Giáo dục sau cấp trung học phổ thông có thể hiểu là giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên. – Theo quy định tại Luật giáo dục dạy nghề.

Giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục đại học đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ – Theo quy định tại Quyết định số: 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016.

6 chuẩn từ 1 đến 6. Hết năm thứ 6 học sinh phải trải qua kì thi quốc gia đánh giá tiểu học (còn gọi là Ujian Pencapaian Sekolah Rendah viết tắt là UPSR) tổ chức vào thời điểm kết thúc năm thứ 6.

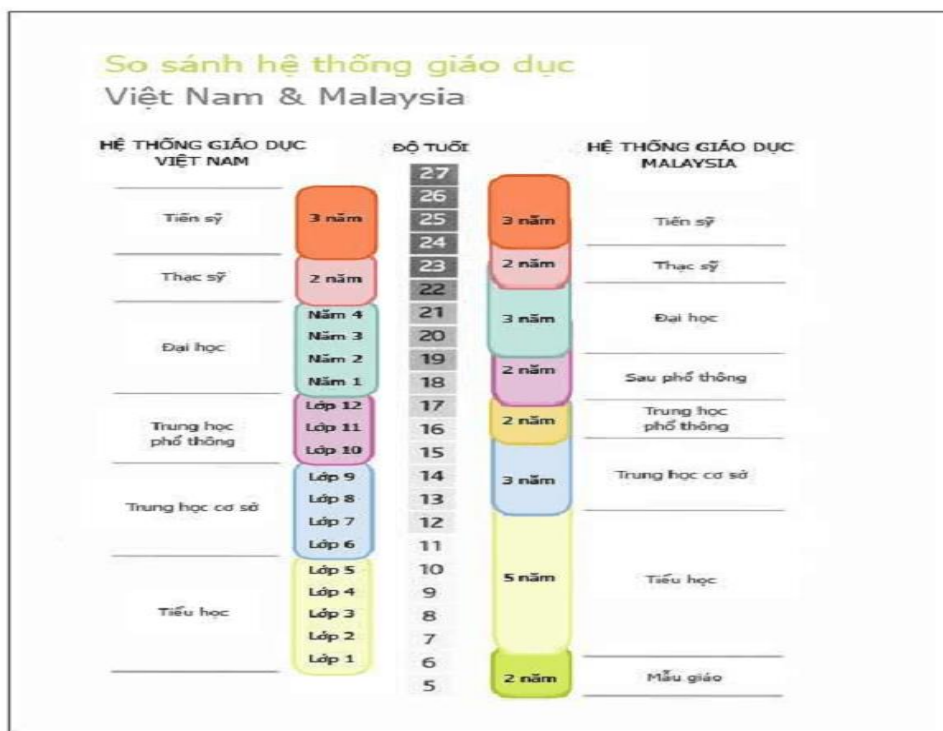
Giáo dục Trung học ở Malaysia gồm 5 năm, từ năm 1 đến năm 6 và chia thành hai giai đoạn Trung học cấp thấp kéo dài từ năm 1 đến năm 3; Trung học bậc cao từ năm 4 đến năm 5 tương đương với trung học cơ sở và trung học phổ thông hoàn thành bậc giáo dục Trung học là hoàn thành chương trình giáo dục cơ bản.

Đối với một số học sinh học các trường loại quốc gia học tiếng Trung và tiếng Tamil ở Tiểu học (national - type schools), các em phải học thêm một năm chuyển tiếp (remove class) trước khi bước vào năm thứ 1 Trung học. Lớp học chuyển tiếp này cho phép học sinh được trang bị đầy đủ vốn ngôn ngữ Malay để có thể học tập ở bậc học tiếp theo và cũng nhằm nuôi dưỡng tinh thần công dân cho học sinh, giúp các em thấy được những giá trị của xã hội Malaysia.

Hết giai đoạn Trung học cấp thấp học sinh phải trải qua kì thi quốc gia đánh giá trung học cấp thấp (viết tắt là PMR) tổ chức vào cuối năm thứ 3 của giáo dục Trung học có cấp chứng chỉ giáo dục Malaysia.

Đối với giai đoạn Trung học bậc cao (Trung học 4, 5), HS tùy theo kết quả trong kì thi PMR ở Trung học cấp thấp mà được vào học ở một trong ba loại trường: trường học thuật và trường kĩ thuật, trường dạy nghề. Mặc dù chia thành 3 loại trường khác nhau nhưng giai đoạn học tập này vẫn được coi là giáo dục Trung học vì những môn học cốt lõi chung vẫn là bắt buộc trong các trường học này. Hết giai đoạn Trung học bậc cao, học sinh trải qua kì thi quốc gia lấy chứng chỉ giáo dục Malaysia (viết tắt là SPM, đây là kì thi được dựa trên kì thi trước kia của hệ thống giáo dục Anh có tên là "chứng chỉ trường học" trước khi nó đổi tên là chứng chỉ bậc "O") tổ chức vào cuối năm thứ 5, tương đương với chứng chỉ của British Ordinary GCSE. Sau Trung học bậc cao, Học sinh muốn vào các trường đại học công phải hoàn thành 2 năm theo học lớp 6 (Form Six) và phải trải qua kì thi viết tắt là STPM (tương đương trình độ Advanced hay 'A' level của Anh).

Sau khi học xong chương trình trung học phổ thông, học sinh từ 19-19 tuổi ở Malaysia có thể sẽ tham dự chương trình sau trung học (dự bị đại học với thời gian tối thiểu là 1 năm và tối đa là 2 năm) để bắt đầu chương trình giáo dục ở bậc hàn lâm.



### So sánh hệ thống giáo dục Việt Nam và Malaysia

Giáo dục ở bậc hàn lâm gồm giáo dục trong các trường cao đẳng và đại học. Để được tuyển vào học đại học, sinh viên đã phải hoàn thành ít nhất chương trình tương đương 1 năm chuẩn toàn thời gian theo quy định của một trong những hệ sau như dự bị đại học, hoặc chương trình diploma TAFE hoặc VET, hoặc chương trình đã được đánh giá là tương đương với đầu vào đại học của Đại học Monash. Ngoài ra, một số trường tuyển sinh đại học theo hình thức lên lớp. Sinh viên tốt nghiệp đại học phải hoàn thành ít nhất là chương trình tương đương 3 học kỳ chuẩn, toàn thời gian của khóa học đại học hoặc diploma TAFE Úc hoặc tương đương trong 2 năm trở lại đây, hoặc chương trình đại học trong 5 năm trở lại đây, hoặc ít nhất là chương trình tương đương 1 năm chuẩn, toàn thời gian của khóa học sau đại học trong 2 năm trở lại đây.

Đối với chương trình nghiên cứu sinh, sinh viên phải nộp đơn đăng ký theo học chương trình Nghiên cứu sinh, sinh viên cần xem xét các lĩnh vực nghiên cứu tiềm năng và chuẩn bị đề xuất nghiên cứu sơ lược, sau đó gửi cho trường cùng với yêu cầu thông tin ban đầu. Sinh viên có thể tham gia chương trình Tiến sĩ bằng việc chuyển lên từ bằng thạc sĩ nghiên cứu. Tất cả sinh viên nộp đơn phải đáp ứng yêu cầu thành thạo về tiếng Anh tối thiểu để theo học nghiên cứu sinh. Sinh viên có thể kiểm tra yêu cầu học thuật theo khóa học riêng để tham gia chương trình nghiên cứu sinh. Các trường đại học công lập ở Malaysia không áp dụng hình thức tuyển sinh xét đầu vào căn cứ vào chứng chỉ UEC-SML được sử dụng làm cơ sở



để xét đầu vào như các trường đại học ở một số quốc gia như Singapore, Australia, Đài Loan, Trung Quốc và một số nước khác ở châu Âu, nhưng, hầu hết các trường đại học/cao đẳng tư thục ở Malaysia lại công nhận chứng chỉ này.

Ở Malaysia có các loại trường khác nhau và được quy ước đặt tên khác nhau, Trường quốc gia (Sekolah Kebangsaan (SK) cho cấp Tiểu học; Sekolah Menengah Kebangsaan (SMK) cho cấp Trung học. Các trường Malay-medium là nơi thường không dạy bằng tiếng mẹ đẻ. Sekolah Rendah Kebangsaan, viết tắt các chữ cái đầu là SRK, được sử dụng để chỉ một loại trường tiểu học quốc gia.

## 2. Các chu kì đổi mới giáo dục phổ thông và lí do

Chương trình giáo dục sau năm 1957 là thời kì Malaysia vừa giành được độc lập nên cần xây dựng một hệ thống giáo dục thống nhất trên toàn lãnh thổ, một chương trình đào tạo theo định hướng quốc gia. Báo cáo Razak 1956 và Pháp lệnh Giáo dục 1957 đề cập tới việc xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân; bắt đầu một chương trình đào tạo theo định hướng Malaysia, thiết lập một hệ thống đánh giá cho tất cả các bậc học. Thời kì này còn được gọi là giai đoạn hợp nhất trong giáo dục.

Chương trình giáo dục sửa đổi theo báo cáo Rahman Talib và Luật giáo dục 1961 được đề ra trong những năm 1957 coi sự thống nhất quốc gia được là mục tiêu chính đã vấp phải sự phản ứng của các công dân không phải người Malaysia. Do đó, báo cáo Rahman Talib và Luật Giáo dục ban hành năm 1961 đã đưa ra những định hướng mới trong giáo dục quốc dân. Theo đó, chương trình giáo dục được sửa đổi, nhấn mạnh vào giáo dục cơ bản trọng 3R (đọc, viết và số học), nhấn mạnh vào một nền giáo dục tinh thần mạnh mẽ và các yếu tố kỉ luật và nhấn mạnh vào chương trình theo định hướng Malaysia.

Chương trình Tiểu học tích hợp (1983) được xem như kết quả từ sự phản đối công khai cho rằng chương trình giảng dạy ở Malaysia đã bị quá tải và một số lượng đáng kể HS không có khả năng đọc kể cả khi hoàn thành cấp Tiểu học.

Chương trình tích hợp trung học (1989) là sự nối tiếp của Chương trình Tiểu học tích hợp. Cuộc cải cách chương trình này cũng nhằm vào việc bổ sung những tư duy mới vào chương trình giảng dạy.

Chương trình Tiểu học sửa đổi (1995) đã được rà soát và sửa đổi lại vào năm 1995 sau 12 năm thực hiện. Nội dung chương trình đào tạo không có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, môn học "Con người và môi trường" đã được thay thế bằng hai môn học là Khoa học và Nghiên cứu địa phương (lí do là để giảng dạy môn

học "Con người và môi trường", GV cần có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học, lịch sử, địa lí, giáo dục sức khoẻ và công dân. Điều này là quá sức với GV).

Đến chương trình sửa đổi 1999 ra đời trong bối cảnh toàn cầu hoá với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, việc xây dựng chương trình giáo dục nhằm phát triển những cá nhân với phẩm chất, năng lực công dân trong thế kỉ XXI đã đặt ra yêu cầu cần sửa đổi chương trình. Việc sửa đổi chương trình được thực hiện ưu tiên cho cấp Trung học vì chương trình này chưa được nhìn một cách hệ thống từ khi thực hiện năm 1989. Bên cạnh đó, sách giáo khoa cho cấp Trung học đã được sử dụng trong hơn 10 năm nên cần được thay thế.

Kế hoạch giáo dục quốc gia giai đoạn 2006 -2010 ban hành năm 2001 đưa ra một số định hướng sửa đổi cụ thể trong chương trình giáo dục hiện hành theo từng môn học và giai đoạn đồng thời giới thiệu một số môn học mới. Cụ thể việc rà soát và sửa đổi cho các môn học cấp Trung học như sau:

- 2002: Rà soát và sửa đổi chương trình môn Khoa học, Toán (Trung học 1 và Trung học 4), Sinh học, Hoá học, Vật lí và Toán mở rộng (Additional Mathematic) (Trung học 4).

- 2003: Rà soát và sửa đổi chương trình môn Lịch sử, Địa lí, Kinh tế Cơ bản, Tiếng Malay và tiếng Anh (Trung học 1 đến Trung học 4).

- 2005: Thực hiện rà soát và sửa đổi trên tất cả các môn học (Trung học 2, 3 và 5).

Một số môn học mới được giới thiệu là: Khoa học (Năm 1 đến 3), các kĩ năng công nghiệp cơ bản, sáng tạo (chương trình mở rộng).

Đến kế hoạch giáo dục quốc gia giai đoạn 2013 -2025 ban hành năm 2012 xác định định hướng phát triển Malaysia là một nước công nghiệp sau 2020. Kế hoạch Chương trình quốc gia 2013 - 2025 được ban hành nhằm thực hiện rà soát và phát triển chương trình giáo dục Tiểu học và trung học đến năm 2017, chú trọng việc nâng cao các kĩ năng tư duy cho HS, tăng cường các môn học giáo dục nghề nghiệp cho các trường trung học. Bản kế hoạch cũng đưa ra tầm nhìn về hệ thống giáo dục và chuẩn học sinh và đề xuất 11 bước chuyển đổi mang tính chiến lược cần thiết để đạt được tầm nhìn đó bao gồm:

1. Mang lại sự tiếp cận công bằng với một nền giáo dục chất lượng theo chuẩn quốc tế.
2. Đảm bảo mỗi trẻ em đều thành thạo cả tiếng Bahasa và tiếng Anh.
3. Phát triển các giá trị của người Malaysia.

4. Chuyên hoạt động dạy học theo hướng chọn nghề.
5. Đảm bảo các lãnh đạo trong môi trường học có khả năng cao.
6. Trao quyền cho địa phương và các trường học để điều chỉnh các biện pháp dựa trên nhu cầu.
7. Tận dụng ICT để nâng cao chất lượng học khắp Malaysia.
8. Nâng cao năng lực và công suất vận hành của Bộ.
9. Đồng hành cùng cha mẹ, cộng đồng và các bộ phận tư nhân ở các phạm vi.
10. Nâng cao kết quả học tập ở mức có thể nhất
11. Tăng cường tính minh bạch để giải trình công khai trực tiếp

Chu kỳ đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông Malaysia cho thấy rằng, tuổi thọ trung bình của 1 chương trình giáo dục ở Malaysia là khoảng 10 năm. Tuy nhiên, trong thời gian 10 năm có thể có những điều chỉnh ở từng môn học. Dự luận xã hội Malaysia không quan tâm nhiều đến những thay đổi này và coi những thay đổi này là sự phát triển tất yếu của giáo dục.

Giai đoạn hiện tại, Bộ Giáo dục Malaysia đang tiến hành đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông mặc dù chương trình này mới được điều chỉnh hoàn thiện trong giai đoạn từ 2001 - 2010. Điều này cho thấy quan niệm rất tiến bộ và cập nhật với quan điểm phát triển giáo dục bền vững của những người làm công tác hoạch định và chỉ đạo giáo dục phổ thông ở Malaysia là: luôn xem lại đánh giá chương trình trên cơ sở học tập chương trình của các nước tiên tiến (Newzealand, Australia, Anh và đặc biệt là Singapore...) và phát triển chương trình theo những ý tưởng, triết lí giáo dục riêng của Malaysia. Các nhà hoạch định chính sách giáo dục luôn coi kinh nghiệm phát triển giáo dục của các nước tiên tiến trên như là một bài học để giải quyết một câu hỏi lớn là: "Tại sao giáo dục của Malaysia lại kém một số nước (như Singapore)?"... Từ đó buộc xem lại tất cả các phương diện giáo dục, từ chương trình giáo dục đến các vấn đề về GV và chính sách giáo dục của Chính phủ Malaysia.

### **3. Các quan điểm tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông**

#### **3.1. Triết lí giáo dục**

Triết lí giáo dục quốc dân của Malaysia được ví như ngọn hải đăng hướng dẫn sự phát triển giáo dục quốc gia và được công bố trên mọi văn bản Chương trình quốc gia, những tài liệu liên quan đến chính sách giáo dục. Dựa trên bốn học

thuyết giáo dục căn bản của phương Tây, triết lí giáo dục quốc dân của Malaysia được tuyên bố là:

"Giáo dục ở Malaysia là sự nỗ lực không ngừng nghỉ để phát triển khả năng tiềm ẩn của cá nhân một cách toàn diện, để đào tạo ra những cá nhân có sự hài hoà về trí tuệ, tinh thần, cảm xúc và thể chất dựa trên nền tảng niềm tin vững chắc vào Chúa. Nỗ lực đó nhằm đào tạo ra những công dân Malaysia có kiến thức và khả năng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm và sẵn lòng phục vụ gia đình, xã hội và tổ quốc".

### **3.2. Tư tưởng xây dựng chương trình**

Chương trình giáo dục phổ thông là một bộ phận quan trọng của chương trình giáo dục quốc gia với vai trò đóng góp vào sự phát triển cá nhân về tinh thần, tình cảm và thể chất, bồi dưỡng thái độ lành mạnh và thấm nhuần những giá trị đạo đức. Mục đích của Chương trình giáo dục phổ thông là nhằm phát triển các công dân Malaysia - những người được đào tạo, biết cân bằng, có kĩ năng và trân trọng những giá trị quốc gia vì sự thống nhất. Định hướng chung cho cải cách chương trình hiện nay là nâng cao chất lượng giáo dục và để đạt được mục tiêu của triết lí giáo dục.

Chương trình được hoạch định phát triển theo một chiến lược được Chính phủ phê duyệt. Nền tảng cốt lõi của chiến lược giáo dục phổ thông Malaysia được xây dựng dựa trên cơ sở lí luận về giáo dục của UNESCO (với 4 trụ cột: học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để khẳng định mình) và sự kết hợp các lí thuyết giáo dục truyền thống và hiện đại theo hướng tăng cường năng lực của người học, chú trọng gắn lí thuyết với thực hành và xem xét kĩ khâu thực hành trong và ngoài lớp học. Những điểm cốt yếu trong chiến lược phát triển Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay của Malaysia chú trọng nền tảng kiến thức cơ bản; tăng cường đọc và tính toán cơ bản; tích hợp giáo dục các kĩ năng sống và những kĩ năng mới; chuyển đổi chương trình theo hướng tiếp cận module; tăng cường năng lực cho giáo viên; phát triển tài liệu hỗ trợ dạy học; hỗ trợ quản lí.

Chương trình giáo dục phổ thông Malaysia được xây dựng theo từng môn học/lĩnh vực học tập cho từng cấp bậc học cụ thể. Mỗi cấp có bao nhiêu môn học/lĩnh vực học tập thì sẽ có bấy nhiêu chương trình.



### 3.3. Cách tiếp cận phát triển chương trình

Chương trình Malaysia không tuyên ngôn rõ là xây dựng theo cách tiếp cận nội dung hay năng lực nhưng đưa ra một số phương diện tiếp cận cụ thể trong xây dựng chương trình.

Thứ nhất, về nguyên tắc cơ bản của xây dựng Chương trình quốc gia là sử dụng phương pháp tiếp cận tích hợp bao gồm cả nội dung và kỹ năng trong đó nhấn mạnh tới các kỹ năng cơ bản, việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng tư duy. Mỗi môn học sẽ phải kết hợp những giá trị đạo đức và thái độ cũng như sử dụng đúng ngôn ngữ Malay và một số ngôn ngữ khác như tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và tiếng Tamil.

Thứ hai, coi sự phát triển toàn diện của cá nhân người học là mục đích hướng tới của chương trình, chương trình lấy 4 trụ cột của UNESCO làm căn cứ chính để xác định nội dung, phương pháp và cách tổ chức dạy học.

Thứ ba, coi cách tiếp cận tích hợp là trọng tâm trong thiết kế chương trình tích hợp cho tiểu học (ICPS) và chương trình tích hợp cấp Trung học (ICCS). Các thành tố kiến thức, kỹ năng và giá trị được kết hợp để tạo nên sự phát triển tích hợp của các khía cạnh tinh thần, tình cảm, thể chất và trí tuệ cá nhân.

Thứ tư, coi phân hoá bằng tự chọn là điều kiện quan trọng để phát triển năng lực của cá nhân người học qua dạy học hướng tới từng cá nhân học sinh. Ở Tiểu học và Trung học 1,2,3 hệ thống các môn học thêm cho phép các học sinh được chọn học những ngôn ngữ theo mục đích giao tiếp cá nhân. Đến Trung học 4, 5 số môn học bắt buộc được giảm bớt chỉ còn lại hai môn bắt buộc là: Giáo dục thể chất; Giáo dục sức khoẻ (các môn học được giảm bớt là: Địa lí; Kỹ năng sống; Giáo dục nghệ thuật; Giáo dục âm nhạc), các môn học tự chọn được tăng cường bằng 93 môn học tự chọn gắn với các chủ đề chuyên sâu theo từng lĩnh vực từ khoa học cơ bản như Toán học nâng cao, Văn học Anh, Văn học Malaysia, Kinh tế cơ sở, Tự động hoá, Thương mại, Khoa học thể thao... cho đến những lĩnh vực nghề nghiệp gần gũi với đời sống hằng ngày như Thiết kế tóc, Trang điểm, Hàn ga, Hàn trong gia đình, Thiết bị điện cấp trong gia đình, Quản lý thực phẩm...

Thứ năm, chú ý tới tiếp cận dạy học theo quan điểm kiến tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là chiến lược tăng cường cơ sở vật chất thiết bị và ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học, coi đó là điều kiện để tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực cho người học.



Thứ sáu, coi việc cấu trúc chương trình học tập theo các giai đoạn học tập từ 2 đến 3 năm là một cơ sở khoa học quan trọng nhằm tạo thuận lợi cho phát triển các năng lực học sinh.

## **4. Quy trình phát triển chương trình**

### **4.1. Các giai đoạn phát triển chương trình**

Việc phát triển chương trình giáo dục mới ở Malaysia được thực hiện theo chu trình với các bước cụ thể như sau:

- Phân tích nhu cầu (Chính sách, xu thế thế giới, nghiên cứu đánh giá, lý thuyết học tập, ý kiến xã hội).
- Lập kế hoạch.
- Thiết kế và phát triển (khai thác nguồn thông tin các nhà chuyên môn thiết kế, xin ý kiến một số nội dung rồi hoàn thiện dựa trên các thảo luận hội thảo).
- Đánh giá công khai bằng cách lấy ý kiến xã hội về những điểm mới của chương trình.
- Thí điểm và thực hiện có giới hạn (thử nghiệm một số nội dung/môđun ở một số trường, lấy nhận xét đánh giá của giáo viên, học sinh, phụ huynh và chỉnh sửa hoàn thiện).
- Triển khai và giám sát, đánh giá.
- Hỗ trợ, hướng dẫn và đánh giá (thực hiện và quản lí...).

Thời gian để phát triển 1 chương trình giáo dục là 2 năm, chủ yếu dành cho các bước: Phân tích nhu cầu; lập kế hoạch; thiết kế và phát triển. Các bước còn lại được thực hiện nhanh hơn. Hoạt động thí điểm chỉ triển khai trên diện hẹp (500/7000 trường gần 10% số trường) với khoảng thời gian 3 tháng. Trong thời gian này, nhà trường chỉ thí điểm dạy học và quản lí dạy học một số môđun trong chương trình mới đồng thời cho tất.

### **4.2. Các tổ chức tham gia phát triển chương trình**

Bộ Giáo dục Malaysia là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và phát triển chương trình, thông qua trung tâm phát triển chương trình (Curriculum Development Centre). Trung tâm này chịu trách nhiệm cho việc phát triển chương trình các cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc phát triển chương trình của Bộ Giáo dục, nhiều hội đồng chương trình đã được thành lập từ cấp trung ương đến tỉnh, huyện, nhà trường.

- (1) Hội đồng kế hoạch giáo dục (Educational Planning Committee).

Ban thư kí của hội đồng là phòng nghiên cứu kế hoạch giáo dục, Bộ Giáo dục.

Chức năng:

- Phê duyệt và xây dựng các chính sách quan trọng trong Bộ Giáo dục.
- Xem xét tất cả những dự án liên quan đến vấn đề chính sách.

(2) Hội đồng chương trình cấp trung ương (Central Curriculum Committee).

Ban thư kí của hội đồng này là hội đồng trung ương về chương trình.

Chức năng:

- Xây dựng chính sách về chương trình cũng như nghiên cứu về tác động của chúng.
- Xác định định hướng của phát triển chương trình và những nỗ lực hợp tác để đạt được mục tiêu này.
- Xem xét và đưa ra những khuyến nghị liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cũng như trình bày những kết quả nghiên cứu cho hội đồng kế hoạch giáo dục.
- Nghiên cứu tác động của kế hoạch chương trình đang thực hiện và đưa ra những quyết định phù hợp.
- Xác định những khía cạnh đòi hỏi cần phải nghiên cứu.

(3) Hội đồng thực hiện chương trình (Curriculum Implimentation Committee)

Ban thư kí là hội đồng trung ương về chương trình, Bộ Giáo dục.

Chức năng:

- Chịu trách nhiệm điều phối tất cả các bước chuẩn bị trong việc thực hiện chương trình mà được chấp thuận bởi Ủy ban Trung ương về chương trình.
- Đảm bảo sự phối hợp giữa các bộ phận của Bộ và các phòng giáo dục ở cấp địa phương trong quá trình thực hiện chương trình.
- Thu thập thông tin phản hồi về thực hiện chương trình ở cấp địa phương (tỉnh, huyện và nhà trường).
- Tổ chức các diễn đàn để thảo luận về những chương trình được thực hiện thành công ở cấp địa phương.

(4) Hội đồng chương trình cấp tỉnh (State Curriculum Committee).

Chức năng:

- Theo dõi, đánh giá và hướng dẫn hiệu trưởng, cán bộ quản lý, giáo viên trong việc thực hiện chương trình.
- Thu thập và phân tích thông tin cũng như thực hiện những hoạt động giám sát cần thiết.

- Phối hợp thực hiện hoạt động giữa những nhà hoạch định chính sách và người thực hiện ở cấp Bộ, tỉnh, huyện và nhà trường.

- Phối hợp sử dụng các nguồn lực để thực hiện chương trình.

- Lập kế hoạch, quản lí và phối hợp với những khoá tập huấn tổ chức cho giáo viên ở các sở giáo dục.

- Lập kế hoạch, quản lí và thực hiện những dự án sáng tạo.

- Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.

(5) Hội đồng chương trình cấp huyện (Division/District Curriculum Committee).

Chức năng:

- Lập kế hoạch hoạt động và thực hiện chiến lược chương trình ở cấp huyện.

- Sắp xếp và tổ chức những khoá học, hội thảo để cập nhật thông tin mới nhất cho giáo viên và những người liên quan.

- Tư vấn và hướng dẫn giáo viên trong thực hiện chương trình.

- Theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện chương trình.

- Lập kế hoạch, quản lí và thực hiện dự án thông minh trong cấp huyện.

(6) Hội đồng chương trình nhà trường (School Curriculum Committee).

Chức năng:

- Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động dạy/học ở trường.

- Làm việc hướng tới nâng cao kiến thức và năng lực cho giáo viên và học sinh

- Nghiên cứu sự phù hợp của nội dung môn học và thông báo với các bên liên quan.

- Nghiên cứu, đánh giá và xác định sự phù hợp của SGK cũng như những tài liệu dạy học khác.

- Đánh giá các kế hoạch làm việc.

- Đánh giá quá trình thực hiện của học sinh và xác định những hoạt động theo dõi tiếp theo.

- Lập kế hoạch và thực hiện chương trình học tập trong nhà (in-house training programmes) cho giáo viên.

- Phổ biến thông tin cho tất cả giáo viên những cập nhật về quy trình và phát triển giáo dục.

- Giới thiệu những tài nguyên dạy học tới nhà trường.

- Xác định sự phù hợp của phương tiện truyền thông, giáo dục điện tử trong hoạt động dạy và học.

- Phối hợp trong hoạt động đánh giá liên tục ở nhà trường.

- Phối hợp trong các hoạt động học tập.

Việc lập kế hoạch cẩn thận sẽ đảm bảo sự thành công của thực hiện chương trình. Trong quy trình phát triển và thực hiện chương trình, trường học giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra một môi trường sáng tạo và hiệu quả. Do đó, hiệu trưởng và giáo viên cần hiểu một cách sâu sắc về triết lý giáo dục quốc gia, mục tiêu và mục đích của chính sách giáo dục cũng như các cách tiếp cận chương trình. Bên cạnh đó, sự thành công của chương trình cũng phụ thuộc vào sự hỗ trợ của xã hội trong việc phối hợp với nhà trường để phát triển cá nhân HS và tham gia tích cực vào các vấn đề liên quan đến giáo dục.

## 5. Các điều kiện thực hiện chương trình

Năm 1982, Bộ Giáo dục đã đưa ra quan điểm về giáo viên ở Malaysia là "giáo viên là những người cao quý trong nhân cách, tiến bộ và khoa học trong tâm nhìn, cam kết tôn trọng những nguyên vọng của dân tộc và yêu mến di sản văn hoá dân tộc, đảm bảo sự phát triển của cá nhân và bảo vệ sự đoàn kết, dân chủ, tiến bộ và kỉ cương của xã hội". Vì thế, vấn đề giáo viên luôn được Chính phủ quan tâm. Trong các trường phổ thông ở Malaysia, các giáo viên phần đông có trình độ đại học. Xu thế chung hiện nay là số giáo viên có trình độ đại học và sau đại học ngày càng tăng. Theo đánh giá chung của các nhà quản lí giáo dục, chất lượng giáo viên của Malaysia tương đối tốt, có khả năng xử lí linh hoạt các tình huống dạy học.

Hiện ở Malaysia có 27 viện đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thuộc sự quản lí của Viện Nghiên cứu giáo viên. Viện này trực thuộc sự quản lí của Vụ Giáo viên thuộc Bộ Giáo dục. Thời gian đào tạo giáo viên phổ thông là 3 hoặc 4 năm (khoảng 50 tuần và dành 14 tuần cho thực hành nghiệp vụ). Bộ Giáo dục có những tiêu chí tuyển chọn đào tạo giáo viên riêng.

Phương thức đào tạo giáo viên ở Malaysia rất đa dạng với nhiều cải cách trong nội dung đào tạo, ví dụ các giáo viên được học theo mô đun, có thay đổi từng năm) chú trọng rèn kĩ năng sư phạm và cung cấp tri thức mới cho giáo viên nhất là những kiến thức về nhà trường trong thế kỉ XXI, xây dựng chiến lược đào tạo nhằm chuẩn bị tốt cho chất lượng đầu ra: giáo viên có chuyên môn và năng lực, có giá trị và khả năng thực hành tốt, hiểu sâu lĩnh vực chuyên môn, có khả năng học tập suốt đời. Điểm nhấn là phương pháp sư phạm sáng tạo trong đào tạo giáo viên với mục tiêu đào tạo giáo viên sáng tạo để đào tạo ra học sinh sáng tạo. Phương pháp quản lí hồ sơ học viên trong quá trình đào tạo được sử dụng như là 1 công cụ đánh giá giúp giáo viên rút kinh nghiệm từ thực tiễn dạy học.



Các viện này cũng làm nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn giáo viên theo sự chỉ đạo của Vụ Phát triển chương trình thông qua các khoá bồi dưỡng giáo viên hằng năm trong hè. Việc bồi dưỡng giáo viên thường xuyên được Bộ Giáo dục cấp chứng chỉ. Khi triển khai chương trình mới, các giáo viên được bồi dưỡng trước khi triển khai chương trình 1 năm.

Cơ sở vật chất của các nhà trường đều do Chính phủ đầu tư, phụ huynh có đóng góp nhưng không nhiều. Chính phủ có nhiều ưu đãi về kinh tế như: các học sinh phổ thông đi học không phải đóng học phí và không phải mua sách giáo khoa. Các nhà trường đều có hệ thống phương tiện dạy học hiện đại để ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học. Các nhà trường đều có hệ thống phòng học bộ môn nhưng không bắt buộc giáo viên phải dạy học ở phòng bộ môn. Các giáo viên vẫn dạy ở lớp học thông thường, nhưng nếu có nhu cầu có thể giảng dạy tại phòng bộ môn. Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đối với giáo viên và học sinh được chú trọng ngay từ những ngày đầu năm học. Hiện nay, loại trường học thông minh (hiểu theo nghĩa trong môi trường giàu công nghệ) đang được chú trọng phát triển tại Malaysia.

Mặc dù nền giáo dục được quản lý tập trung và bao cấp nhưng Chính phủ Malaysia rất quan tâm tới chất lượng giáo dục. Một số chính sách thể hiện trong Chiến lược giáo dục 2006 - 2010 được quan tâm như:

- Chính sách khuyến khích đối với giáo viên vùng khó khăn.
- Tăng cường cơ sở vật chất, công nghệ thông tin và truyền thông cho các nhà trường song song với việc đào tạo giáo viên về công nghệ thông tin và truyền thông, chuẩn bị cho học sinh những kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản để có thể học tập trong môi trường công nghệ thông tin và truyền thông.

Sau khi có chương trình, Bộ Giáo dục sẽ chỉ định các nhà xuất bản làm sách giáo khoa và các tài liệu kèm theo như hướng dẫn dạy học, bộ đĩa CD cho học sinh, bộ đĩa CD cho giáo viên và các tài liệu tham khảo khác.

Nhà xuất bản sẽ lựa chọn tác giả và tổ chức biên soạn sách giáo khoa theo yêu cầu đặt ra từ chương trình các môn học.

Mỗi chương trình môn học sẽ có 3 bộ sách giáo khoa cho 3 vùng miền khác nhau của Malaysia. Với các đối tượng học sinh đặc biệt sẽ có những điều chỉnh từ Chương trình quốc gia và có sách giáo khoa viết riêng theo Chương trình quốc gia đã được điều chỉnh.

Thời gian viết sách giáo khoa là 1 năm trong đó thời gian dành cho chuẩn bị bản thảo là 6 - 8 tháng, thời gian để in ấn sách là 1 tháng, thời gian còn lại là để phân phối sách cho các vùng (1 tháng cho 2 vùng lớn và 1/2 tháng cho vùng còn lại).

Mỗi bản thảo sách giáo khoa sẽ được thẩm định qua 3 lần bởi trung tâm đánh giá và chất lượng của nhà xuất bản. Trung tâm đánh giá và chất lượng của nhà xuất bản gồm 3 bộ phận:

- Ban đánh giá nội dung: Đánh giá việc trình bày nội dung dựa trên Chương trình quốc gia. Thành phần: gồm 1 chủ tịch cùng với 3 hoặc 4 thành viên.

- Ban đánh giá ngôn ngữ: Đánh giá việc sử dụng ngôn ngữ trong sách giáo khoa như rà soát chính tả, cách viết câu, diễn đạt, thành phần: 1 chủ tịch, 3 thành viên và các biên tập viên.

- Ban đánh giá kỹ thuật: Đánh giá việc thiết kế kỹ thuật như cách sử dụng chỗ trống, chất lượng tranh, ảnh, sự minh họa; (thành phần: 1 chủ tịch, 3 thành viên và họa sĩ minh họa).

Do kế hoạch thời gian làm sách là 8 tháng, nên việc thử nghiệm chương trình và sách giáo khoa mới được tiến hành trong quá trình sản xuất sách và chỉ thử một vài nội dung mới (hoặc nội dung có điều chỉnh) theo kế hoạch chung khi làm chương trình, khi sách giáo khoa đã in và xuất bản đại trà là không có thử nghiệm nữa.

Chọn tác giả sách giáo khoa của nhà xuất bản:

- Thành phần tác giả sách giáo khoa chuyên gia môn học và các giáo khoa phổ thông, giáo viên đại học có kinh nghiệm.

- Tiêu chí lựa chọn tác giả sách giáo khoa năng lực nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực viết sách giáo khoa.

- Cách chọn:

- + Nhà xuất bản sẽ quảng cáo tìm tác giả trên các phương tiện truyền thông.
- + Các tác giả được yêu cầu viết thử tài liệu trong thời gian 1 tháng.
- + Tài liệu viết thử được nhà xuất bản đưa đi lấy ý kiến chuyên gia dựa vào nội dung chương trình đã có.
- + Nhà xuất bản tiến hành phỏng vấn trực tiếp các tác giả đăng kí viết sách.
- + Nhà xuất bản ra quyết định lựa chọn tác giả.